

Bản án số: 96/2023/DS-PT
Ngày: 20-7-2023
V/v “tranh chấp chia thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Ông Phan Minh Dũng
Ông Nguyễn Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Duy Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2023/TBTL-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp chia thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 337/2022/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 105/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Á, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 4, khu vực 8, P. Nhơn Phú, TP. QN, tỉnh BĐ. (có mặt)

- *Bị đơn :* Ông Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ 4, khu vực 8, P. Nhơn Phú, TP. QN, tỉnh BĐ. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ 9, khu vực 8, P. Nhơn Phú, TP. QN, tỉnh BĐ.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Th là bà Nguyễn Thị C theo văn bản ủy quyền ngày 10/12/2021. (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 16, khu vực 3, P. Nhơn Bình, TP. QN, tỉnh BĐ. (có mặt)

3. Ông Nguyễn Văn H sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 5, khu vực 8, P. Nhơn Phú, TP. QN, tỉnh BĐ. (có mặt)

4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 4, khu vực 3, P. Nhơn Phú, TP. QN, tỉnh BD. (có mặt)

5. Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 4, khu vực 8, P. Nhơn Phú, TP. QN, tỉnh BD. (vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1936; địa chỉ: Tổ 4, khu vực 8, P. Nhơn Phú, TP. QN, tỉnh BD. (có mặt)

7. Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1978 (có mặt)

8. Anh Nguyễn Hoàng Khsinh năm 2002 (có mặt)

Đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Hoàng KH là bà Nguyễn Thị Thanh Th (theo văn bản ủy quyền ngày 04/8/2022) .

9. Anh Nguyễn Hoàng Kh, sinh năm : 2006; địa chỉ : Tổ 4 khu vực 8 phường Nhơn Phú, TP QN, tỉnh BD (có đơn xin xét xử vắng mặt)

10. Trung tâm phát triển quỹ đất – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Anh T – Trưởng phòng bồi thường GPMB (Theo văn bản ủy quyền số 669/TTPTQĐ – BTGPMB ngày 19/10/2022). (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn, Bị đơn ông Nguyễn Hữu Ph, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ch, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Tr, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th là bà Nguyễn Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Á trình bày:

Cha ông là cụ Nguyễn H chết ngày 27/6/2014, mẹ ông là cụ Nguyễn Thị Ch chết ngày 30/01/2007, cụ Ch không để lại di chúc, hai cụ sinh 07 người con là: Ông Nguyễn Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Tr và ông là Nguyễn Văn Á. Ngày 29/10/2009, cụ H có lập di chúc tại phòng công chứng số 01 tỉnh Bình Định, để lại toàn bộ tài sản của cụ H cho ông gồm:

1. Thửa đất 150, tờ bản đồ số 02 có diện tích 1.552m² đất trồng lúa;
2. Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 4, có diện tích 600m² nhưng thửa đất này đã được nhà nước giao cho ông Lê Văn Tích sử dụng năm 2010 lúc cha ông còn sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản là thửa đất này;
3. Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 02, có diện tích 400m² đất màu;
4. Thửa đất số 147, tờ bản đồ số 02, có diện tích 815m² trong đó: 200m² đất ở và 615m² đất vườn, (diện tích thực tế là 685,9m², giảm 129m² so với diện tích cấp quyền); trên đất có nhà cấp 4 do cụ Huỳnh, cụ Chợ xây dựng năm 1964.

Hiện nhà nước đã giải tỏa thửa đất 150, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.552m² đất trồng lúa; thửa đất số 134, tờ bản đồ số 02, diện tích 400m²; đối với thửa đất số 147, tờ bản đồ số 02, diện tích 815m² (trong đó có 200m² đất ở và 615m² đất vườn), giải tỏa 1 phần diện tích đất vườn thừa là 97,26m², sau giải tỏa chỉ còn lại 200m² đất ở và 388,64m² đất vườn.

Khi giải tỏa nhà nước đền bù và hỗ trợ tổng cộng: 1.689.688. 240đ, gồm các khoản sau:

Tiền đền bù là 1.089.678.840đ;

Tiền hỗ trợ tổng cộng 600.009.400đ gồm các khoản sau:

- Tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề cho 04 người trực tiếp canh tác 03 thửa đất trên gồm: Nguyễn Văn Á, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Tr là: 517.304.400đ.

- Tiền hỗ trợ ổn định đời sống trong 12 tháng cho 13 nhân khẩu là: 63.648.000đ

- Tiền đền bù cho ông Nguyễn Văn H có tài sản trên đất như trụ bê tông, cây hoa màu, rau xanh là 10.314.180đ.

- Tiền đền bù tài sản trên đất của ông Nguyễn Văn Á gồm: Cây Sanh, lộc vùng, giếng đóng, cây vạn tuế, cỏ nuôi bò, móng đá chẻ hàm xử lý nước thải là 19.057.000đ.

Sau khi trừ các khoản hỗ trợ cho cá nhân người trực tiếp canh tác được hưởng và một số tài sản cây cối trên đất là: 600.009.400đ, còn lại 1.089.678.840đ, phần tài sản của cụ Ch thì chia thừa kế theo pháp luật, phần tài sản của cụ Huỳnh thì chia theo di chúc của cụ H đã lập cho ông Á .

Đối với nhà và đất ở, đất vườn còn lại là tài sản của cụ H và cụ Ch nên không chia cho hộ gia đình mà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với tài sản của cụ Ch và chia theo di chúc đối với tài sản của cụ H để lại cho ông Á. Phần tài sản của bà Ch, ông xin nhận đất và thời tiền giá trị đất cho hàng thừa kế.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu Ph trình bày:

Về quan hệ huyết thống, thời gian cụ H, cụ Ch chết và hàng thừa kế của hai cụ bị đơn thống nhất như nguyên đơn trình bày. Cụ Ch không để lại di chúc. Ông nội là Nguyễn L chết năm 1981, bà nội là Trần Thị D chết năm 1996. Ông bà ngoại chết trước mẹ ông.

Tài sản của cụ H, cụ Ch để lại ông Phước thống nhất như lời trình bày của ông Á. Tuy nhiên, đất vườn, đất màu và đất lúa là Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ cho hộ gia đình ông do cụ Nguyễn H chủ hộ đại diện đứng tên. Hộ gia đình ông được cấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00001 QSDĐ ngày 31/5/1993 gồm có 07 người là: Cụ Nguyễn H, cụ Nguyễn Thị Ch, cụ Trần Thị D, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Á, bà Nguyễn Thị Tr. Nay ông Á yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ H theo di chúc do cụ H lập ông không có ý kiến gì, riêng phần tài sản của cụ Ch và tài sản của hộ gia đình thì ông yêu cầu chia theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hòa, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thanh Th, anh Nguyễn Hoàng K, anh Nguyễn Hoàng Kh (Đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Hoàng Kha là bà Nguyễn Thị Thanh Thảo) đồng trình bày :

Thống nhất về hàng thừa kế, di sản của người chết để lại và thống nhất chia thừa kế theo yêu cầu của ông Á

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Th là bà Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ huyết thống, thời gian cụ H, cụ Ch chết và hàng thừa kế cũng như di sản của hai cụ để lại bà Th thống nhất như nguyên đơn trình bày.

Khi giải tỏa nhà nước đền bù và hỗ trợ tổng cộng số tiền là 1.689.688.240đ, gồm các khoản sau:

- Tiền hỗ trợ các khoản là 117.322.000đ, trong đó:
 - +Tiền hỗ trợ 63.648.000đ cho 13 nhân khẩu gồm: Hộ ông H 04 nhân khẩu, hộ bà L 04 nhân khẩu, hộ ông Á 01 nhân khẩu, hộ bà Tr 04 nhân khẩu; bà Th yêu cầu chia đều cho 13 nhân khẩu.
 - +Tiền vật kiến trúc 18.332.000đ và tiền hỗ trợ cây, hoa màu 26.485.000đ của cụ H, cụ Ch, ông Á, ông H bà Th yêu cầu chia đều 04 phần cho 4 người này, phần của cụ H, cụ Ch chia đều cho các hàng thừa kế của hai cụ.
 - +Tiền đất thổ mộ 8.857.000đ, yêu cầu giao cho ông Ph là con trai lớn nhận và giữ để chi phí khi hốt cốt mồ mả ông bà.
- + Phần còn lại 1.572.365.920đ là tiền đền bù giải tỏa tổng diện tích đất đã thu hồi.

Diện tích đất nhà nước đã thu hồi là diện tích đất được cân đối giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cụ H, cụ Ch theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, những người được giao quyền sử dụng đất trong hộ cụ H, bà Th khai thống nhất như bị đơn đã trình bày đồng thời yêu cầu chia đều số tiền trên cho những người được cấp quyền sử dụng đất.

Phần tiền của cụ H, bà thống nhất giao cho ông Á theo di chúc của cụ H; phần tiền của cụ Ch bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Riêng ngôi nhà và đất ở, đất vườn còn lại là của ông bà để lại nên không chấp nhận chia.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Tr đồng trình bày:
Thống nhất về hàng thừa kế, di sản thừa kế và yêu cầu chia thừa kế theo như lời trình bày của bà C.

- Bà Nguyễn Thị Ch trình bày :

Cha bà là cụ Nguyễn L (chết không nhớ thời gian), mẹ là cụ Trần Thị D (chết năm 1996) cụ Nguyễn H là anh của bà. Khi cụ D còn sống ở chung với cụ Nguyễn H. Năm 1993, nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cụ H gồm 07 nhân khẩu như ông Phước trình bày. Nay ông Á khởi kiện chia thừa kế tài sản của cụ Huỳnh, cụ Chợ thì bà yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản của mẹ bà là cụ Diệu, sau đó gia đình bà sẽ cử người đại diện nhận.

- Đại diện theo uỷ quyền của Trung tâm Phát triển quỹ đất ông Phạm Anh T trình bày:

Nguyễn Văn Á là người đại diện cho hộ cụ Nguyễn H kê khai một số tài sản bị thu hồi đã được cấp quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cụ Huỳnh gồm: Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 03, diện tích 484,2m²; Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 03, diện tích 28,5m²; Thửa đất số 124, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.817,5m²; thửa đất số 72, tờ bản đồ số 03, diện tích 685,9m² (thu hồi 97,26m²) để thực hiện Dự án khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, khu vực 7-8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn được tính toán bồi thường, hỗ trợ trong phương án đợt 5 và phương án

đợt 8 với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1374/QĐ-UBND ngày 14/4/2020; Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 (bổ sung đợt 5); Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 với tổng số tiền là 1.689.688.000đồng. Do gia đình ông Nguyễn Văn Á tranh chấp chia thừa kế tài sản, nên Trung tâm phát triển quỹ đất chưa có cơ sở chi trả tiền. Các con của ông Nguyễn H không chấp hành giao trả mặt bằng các thửa đất trên cho Trung tâm phát triển quỹ đất để hoàn thiện mặt bằng dự án khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông (với lý do chưa nhận tiền)nên UBND tỉnh đã giao UBND TP Quy Nhơn hoàn tất thủ tục pháp lý thu hồi đất theo quy định và đề chủ động kinh phí trả tiền bồi thường khi hộ dân bị cưỡng chế thống nhất nhận số tiền 1.689.688.000đồng nên số tiền trên đã được gửi vào tài khoản tiền gửi của Trung tâm phát triển quỹ đất tại kho bạc nhà nước tỉnh Bình Định tại văn bản số: 32/TTPTQĐ- KHTC ngày 18/01/2022.

Bản án dân sự sơ thẩm số 337/2022/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế theo di chúc và chia thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn Á đối với tài sản do cụ Nguyễn H và cụ Nguyễn Thị Ch chết để lại.

2. Ông Nguyễn Văn Á được nhận nhà, đất ở và đất vườn tại thửa đất số 72 tờ bản đồ số 3, diện tích 588,64m²(trong đó có 200m² đất và 388,64m² đất vườn) tọa lạc tại Tổ 4, khu vực 8, P. Nhơn Phú, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Ông Nguyễn Văn Á có nghĩa vụ thôi lại cho các thừa kế: Ông Nguyễn Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Tr mỗi người : 72.338.834 đồng.

Mỗi người sẽ được nhận thêm tiền đền bù giải tỏa của cụ Ch và phần tiền cụ H được nhận từ cụ Ch là: 68.401.255đ/người trong số tiền đền bù: 1.689.688.000đ mà Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đang quản lý.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Á kháng cáo không đồng ý đối với nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên, yêu cầu xác định lại di sản thừa kế của cụ Nguyễn H và cụ Nguyễn Thị Ch để lại để chia thừa kế theo pháp luật.

Ngày 01/03/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Á có đơn xin rút yêu cầu kháng cáo.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023 và ngày 16/01/2023, bị đơn ông Nguyễn Hữu Ph, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ch, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Tr, đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th là bà Nguyễn Thị C kháng cáo không đồng ý đối với nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên, đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm, hủy di chúc ngày 29/10/2009 của cụ Nguyễn H, hủy biên bản định giá ngày 20/5/2009, không

đồng ý cho ông Nguyễn Văn Á nhận hiện vật và thối lại giá trị cho các đồng thừa kế. Yêu cầu chia tiền bồi thường và hỗ trợ tài sản chung của hộ gia đình đối với diện tích đất bị thu hồi là 1.689.688.000 đồng cho 07 nhân khẩu.

Tại phiên, Tòa phúc thẩm bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với nội dung như trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các bên đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Hoàng Kh và đại diện theo ủy quyền của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Hữu Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tr đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Ph và bà Tr.

[1.3] Về xem xét, định giá tài sản: Tại cấp phúc thẩm bà Nguyễn Thị C là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Th có đơn yêu cầu Tòa án đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng bà C và những người kháng cáo không chịu tạm ứng chi phí tố tụng nên cấp phúc thẩm không thể tiến hành xem xét, định giá được. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc hủy biên bản định giá ngày 20/5/2009.

[2] Ngày 01/03/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Á có đơn xin rút yêu cầu kháng cáo. Căn cứ khoản 2 Điều Điều 289 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn Á.

[3] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ch, ông Nguyễn Văn H, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th là bà Nguyễn Thị C, thấy rằng:

[3.1] Xét di chúc ngày 29/10/2009 do cụ Nguyễn H lập đã được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Bình Định chứng thực: Với nội dung để lại $\frac{1}{2}$ bất động sản (đối với các thửa đất số 150, thửa đất số 134, thửa đất số 147) đối với phần bất động sản

nằm trong tài sản chung của vợ chồng cho ông Nguyễn Văn Á. Căn cứ các Điều 624, 625, 627, 628, 630, 631 và 635 BLDS, di chúc trên là hợp pháp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đều khai thống nhất là các thửa đất trên cấp cho hộ cụ Nguyễn H, tại thời điểm cấp đất hộ cụ H có 07 nhân khẩu được cấp đất. Do đó, di chúc ngày 29/10/2009 do cụ Nguyễn H lập chỉ có hiệu lực một phần nên ông Á chỉ được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ H là $\frac{1}{2}$ diện tích đất ở và $\frac{1}{7}$ diện tích đất màu, đất vườn và đất lúa.

[3.2] Về hàng thừa kế theo pháp luật: Cụ Nguyễn H và cụ Nguyễn Thị Ch có 07 người con gồm: ông Nguyễn Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Tr, ông Nguyễn Văn Á. Cha mẹ cụ H và cụ Ch đều chết trước hai cụ.

Cụ Nguyễn Thị Ch chết ngày 30/01/2007, không để lại di chúc. Căn cứ theo Điều 649, 650, 651 BLDS thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ch gồm: Cụ Nguyễn H, ông Nguyễn Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Tr, ông Nguyễn Văn Á.

Cụ Nguyễn H chết ngày 27/6/2014, có để lại di chúc định đoạt đôi với phần tài sản chung trong khối tài sản vợ chồng theo Giấy chứng nhận số 0001/QSDĐ ngày 31/5/1993 cho ông Nguyễn Văn Á.

Đối với phần di sản thừa kế mà cụ H nhận từ cụ Ch, không có di chúc định đoạt nên phần di sản này sẽ được chia theo pháp luật. Căn cứ Điều 651 BLDS thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ H gồm: Ông Nguyễn Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Tr, ông Nguyễn Văn Á.

[3.3] Về di sản chia thừa kế:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn và những người liên quan đều thừa nhận đất vườn, đất màu và đất lúa tại các thửa đất 150, thửa đất 134 và thửa đất 147 được cấp quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn H theo giấy chứng nhận QSDĐ số 00001/QSDĐ ngày 31/5/1993 là cấp cho hộ cụ H. Những người được cấp đất trong hộ gồm: Cụ Nguyễn H, cụ Nguyễn Thị Ch, cụ Trần Thị D (mẹ ông H), ông Nguyễn Văn Á, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Tr.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế của cụ H, cụ Ch là $\frac{2}{7}$ diện tích đất vườn, đất lúa, đất màu và 200m² đất ở là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Căn cứ Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ đợt 5 đối với hai thửa đất số 150 và thửa đất số 134 (nay là các thửa đất số 55, tờ bản đồ số 49, diện tích 484,2m², diện tích thu hồi 484,2m², thửa đất số 54, tờ bản đồ số 49, diện tích 28,5m², diện tích thu hồi 28,5m², thửa đất số 124, tờ bản đồ số 49, diện tích 1.817,5m², diện tích thu hồi 1.817,5m² của hộ gia đình cụ Nguyễn H, thì:

- + Bồi thường về đất: 206.921.760 đồng.
- + Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm: 517.304.400 đồng.
- + Vật kiến trúc: 18.332.080 đồng.
- + Cây cối hoa màu: 26.485.000 đồng.

Tổng cộng: 769.043.240đồng.

- Căn cứ Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp (ngày 04/8/2020) tính bổ sung:

+ Bổ sung bồi thường đất nông nghiệp: 137.947.840 đồng.

+ Bổ sung hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm: 517.304.400đồng.

Tổng cộng: 655.252.000đồng.

- Căn cứ bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình cụ Nguyễn H đối với thửa đất số 72, mảnh số 3, diện tích 685,9m², diện tích bị thu hồi 97,26m² như sau:

+ Bồi thường về đất vườn: 157.561.200đồng.

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề: 43.183.440đồng.

+ Hỗ trợ ổn định đời sống cho 13 nhân khẩu: 63.648.000đồng (gồm Nguyễn Hoàng Kha, Nguyễn Văn Ái, Nguyễn Hoàng Khanh, Nguyễn Văn Hiệp, Nguyễn Thanh Định, Nguyễn Thị Thu Biên, Nguyễn Thị Trâm, Nguyễn Ngọc Phúc, Nguyễn Ngọc Lân, Nguyễn Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Thị Lại, Võ Hoàng Lương, Võ Huyền Ly).

+ Thưởng đẩy nhanh tiến độ: 1.000.000đồng

Tổng cộng: 265.393.000đồng.

Như vậy tính bồi thường hỗ trợ tổng giá trị bồi thường là :

$769.043.240đ + 655.252.000đ + 265.393.000đ = 1.689.688.240đ$.

Đối với phần tiền hỗ trợ ổn định đời sống cho 13 nhân khẩu 63.648.000 đồng và tiền đền bù vật kiến trúc, hoa màu 18.332.080đồng + 26.485.000đồng + 1.000.000đồng tiền thưởng đẩy nhanh tiến độ, tổng cộng 109.465.080 đồng các đương sự bị đơn, người liên quan có yêu cầu chia tài sản chung hộ gia đình nhưng không làm đơn yêu cầu, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Như vậy, tổng tài sản chung của hộ gia đình đối với phần diện tích bị thu hồi được đền bù tiền là: $1.689.688.240đ - 109.465.080đ = 1.580.223.160đ$.

Cụ H và cụ Ch, bà D, ông Á, ông H, bà L, bà Tr, mỗi người 1/7 số tiền trên là :

$1.580.223.160đ / 7 = 225.746.165đ$.

- Đối với phần diện tích còn lại của thửa đất số 147 tờ bản đồ số 02 nay là thửa đất số 72 tờ bản đồ số 3:

+ Về đất ở: 200m² đất ở. Căn cứ theo Biên bản định giá ngày 20/5/2021 thì giá đất ở là 7.000.000đ/m², giá trị phần đất ở là $200 \times 7.000.000đ = 1.400.000.000đ$, phần tài sản của cụ H, cụ Ch là 700.000.000đ/ người.

+ Về đất vườn: 148.000đ/m², tổng diện tích đất vườn là 388,64m², giá trị phần đất vườn là $388,64m^2 \times 148.000đ = 57.818.720đ$. Phần tài sản cụ H, cụ Ch, bà D, ông Á, ông H, bà L, bà Tr mỗi người là:

$57.818.720đ / 7 = 8.216.960đ$.

+ Về giá trị nhà trên đất: 102.435.000đồng. Phần tài sản của cụ H và cụ Ch là $102.435.000\text{đ}/2 = 51.217.500\text{đồng}$. (Năm mươi một triệu hai trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng).

- Di sản của cụ Nguyễn Thị Ch gồm:

$225.746.165\text{đ} + 700.000.000\text{đ} + 8.216.960\text{đ} + 51.217.500\text{đ} = 985.180.625\text{đồng}$.

Cụ Nguyễn H, ông Nguyễn Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Tr, ông Nguyễn Văn Á nhận mỗi người là :

$985.180.625\text{đ}/8 = 123.147.578\text{đồng}$.

- Về di sản của cụ Nguyễn H để lại cho ông Á nhận là phần tài sản có trị giá là: $225.886.165\text{đ} + 700.000.000\text{đ} + 8.216.960\text{đ} + 51.217.500 = 985.180.625\text{đồng}$.

Đối với kỷ phần thừa kế mà cụ H nhận từ cụ Ch không định đoạt di chúc chia cho ông Á nên số tiền này sẽ được chia theo pháp luật cho các đồng thừa kế hàng thứ nhất gồm: Ông Nguyễn Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Tr, ông Nguyễn Văn Á: $123.147.578\text{đ}/7 = 17.592.511\text{đồng}$.

+ Tổng tài sản ông Á được nhận: $985.180.625\text{đ} + 17.592.511\text{đ} + 123.147.578\text{đ} = 1.125.920.714\text{đồng}$.

+ Tổng tài sản mà ông Nguyễn Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Tr mỗi người nhận là: $123.147.578\text{đ} + 17.592.511\text{đ} = 140.740.089\text{đồng}$.

Hiện ông Á là người quản lý, sử dụng tài sản trên và có nhu cầu nhận nhà đất tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 02, nay là thửa đất số 72, tờ bản đồ số 3 có giá trị là $1.400.000.000\text{đ} + 57.818.720\text{đ} + 102.435.000\text{đ} = 1.559.935.720\text{đồng}$, nên Tòa án cấp sơ thẩm giao hiện vật là nhà đất nói trên cho ông Á sử dụng là có cơ sở.

Như vậy, Ông Nguyễn Văn Á được chia thừa kế tài sản của cụ Nguyễn H và cụ Nguyễn Thị Ch gồm:

- Nhận nhà và đất tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 02, nay là thửa đất số 72, tờ bản đồ số 3, có diện tích $588,64\text{m}^2$ trong đó có 200m^2 đất ở và $388,64\text{m}^2$ đất vườn tọa lạc tại Tổ 4, khu vực 8, P. Nhơn Phú, TP. Quy Nhơn.

- Ông Nguyễn Văn Á có nghĩa vụ thôi lại cho các thừa kế: Ông Nguyễn Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Lại, bà Nguyễn Thị Tr mỗi người :

$1.559.935.720\text{đ} - 1.125.920.714\text{đ} = 434.033.006\text{đ}/6 = 72.338.834\text{đồng}$.

Do đó, ông Nguyễn Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Tr mỗi người nhận thêm $140.740.089\text{đ} - 72.338.834\text{đ} = 68.401.255\text{đ}/\text{người}$ trong số tiền đền bù $1.689.688.000\text{đồng}$ mà Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đang quản lý.

Trong vụ án này những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Ch, ông H, bà L, bà Tr và nguyên đơn là ông Á đều không yêu cầu chia tài sản chung nên

Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết và chỉ xác định phần tiền của các thành viên trong hộ gia đình 07 nhân khẩu để chia thừa kế phần tài sản của cụ Huỳnh, cụ Chợ trong số tiền giải tỏa đền bù, mỗi người được xác định là: $1.580.223.160đ/7=225.746.165đ$ là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ch, ông Nguyễn Văn H và đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th là bà Nguyễn Thị C, giữ nguyên phần nội dung Bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Tr, bà Nguyễn Thị Th mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Nguyễn Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Ch là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn và người liên quan, hủy Bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 289, khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 224, 630, 631, 635, 643, 649, 650, 651, 659, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Á, bị đơn ông Nguyễn Hữu Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tr.

2. Không chấp nhận kháng cáo của các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ch, ông Nguyễn Văn H và đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th là bà Nguyễn Thị C

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 337/2022/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế theo di chúc và một phần yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn Á đối với di sản của cụ Nguyễn H và cụ Nguyễn Thị Ch

5. Ông Nguyễn Văn Á được nhận nhà, đất ở và đất vườn tại thửa đất số 72 tờ bản đồ số 3, diện tích 588,64m² (trong đó có 200m² đất ở và 388,64m² đất vườn) tọa lạc tại Tờ 4, khu vực 8, P. Nhơn Phú, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

6. Ông Nguyễn Văn Á có nghĩa vụ thôi lại cho các thừa kế, cụ thể là: Ông Nguyễn Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Tr mỗi người là 72.338.834đồng (bảy mươi hai triệu ba trăm ba mươi tám nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng).

7. Ông Nguyễn Văn Á, ông Nguyễn Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Tr mỗi người sẽ được nhận thêm tiền đền bù giải tỏa của cụ Ch và phần tiền cụ H được nhận từ cụ Ch là: 68.401.255đồng (sáu mươi tám triệu bốn trăm lẻ một nghìn hai trăm năm mươi lăm đồng) trong số tiền đền bù: 1.689.688.000đồng (một tỷ sáu trăm tám mươi chín triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng) hiện Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định đang quản lý.

8. Về chi phí tố tụng và án phí:

8.1. Chi phí xem xét tại chỗ và định giá tài sản là 13.500.000đồng, ông Nguyễn Văn Á đã tạm ứng. Buộc ông Nguyễn Hữu Ph, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Tr mỗi người phải trả lại cho ông Nguyễn Văn Á 1.928.000đồng (một triệu chín trăm hai mươi tám nghìn đồng).

8.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Á phải chịu: 45.777.621đồng, được trừ 8.425.000đồng tiền tạm ứng án phí ông Á đã nộp theo biên lai thu số 0000892 ngày 15/01/2019, ông Á còn phải nộp: 37.352.621đồng (ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi một đồng).

- Ông Nguyễn Hữu Phc được miễn, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Trmỗi người phải chịu: 7.037.004đồng (bảy triệu không trăm ba mươi bảy nghìn không trăm không bốn đồng).

8.3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Chkhông phải chịu. Hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Ph theo biên lai thu số 0003198 ngày 17/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Hoàn trả 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Ch theo biên lai thu số 0003194 ngày 17/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Tr, bà Nguyễn Thị Th mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ mỗi người 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0003195, 0003192, 0003196 ngày 17/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

9. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

10.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

10.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Quy Nhơn;
- Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Thắm

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Minh Dũng

Nguyễn Văn Hiệp

Đỗ Thị Thắm

